

Số: 04/2022/QĐST-DS

M, ngày 20 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự,
Căn cứ vào Biên bản hoà giải T3 ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2021,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải T3 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải T3, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần T**

Địa chỉ: Số 57, phố L, phường T, quận H, T3 phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh P. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Vũ L. Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ (theo Giấy uỷ quyền tham gia tố tụng và thi hành án số: 08/2019/UQ-TPB.HĐQT ngày 14/5/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần T

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Vũ L: ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Chuyên viên; bà Đào Thị S, ông Nguyễn Anh T và bà Đỗ Thùy T1 - Chức vụ: Nhân viên (theo Văn bản uỷ quyền số: 59/2021/UQ-TPB.RB ngày 07/5/2021).

- *Bị đơn:* Ông **Phùng Văn T2**, sinh năm 1967 và bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1969.

Đều trú tại: Thôn Q, xã T, huyện M, T3 phố Hà Nội.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh **Phùng Văn K**, sinh năm 1989.

+ Anh **Phùng Văn T3**, sinh năm 1993.

+ Chị **Phùng Thị N**, sinh năm 1998.

+ Chị **Phùng Thị N1**, sinh năm 2000.

Đều trú tại: Thôn Q, xã T, huyện M, Tp Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nợ gốc, nợ lãi:

Nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận:

- Hai bên đã ký Hợp đồng cho vay từng lần số 77/2019/HDTD/TTKD KMA/01 ngày 24/5/2019, Hợp đồng cho vay số 77/2019/HDTD/TTKD KMA/02 ngày 28/05/2019 và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

- Hai bên đã ký Hợp đồng T2 chấp tài sản số: 77/2019/HDBD/TTKD KMA/01 ngày 24/5/2019.

- Tạm tính đến hết ngày 12/01/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền như sau:

+ Theo Hợp đồng cho vay từng lần số 77/2019/HDTD/TTKD KMA/01 ngày 24/5/2019 số tiền là: **852.998.443** đồng (*Bằng chữ: Tám trăm năm mươi hai triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng*), trong đó: nợ gốc là 675.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 140.938.819 đồng và nợ lãi quá hạn là 36.459.624 đồng.

+ Theo Hợp đồng cho vay số 77/2019/HDTD/TTKD KMA/02 ký ngày 28/05/2019 số tiền là: **387.271.215** đồng (*Bằng chữ: Ba trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm mười lăm đồng*), trong đó: nợ gốc là 262.816.670 đồng, nợ lãi trong hạn là 95.304.014 đồng và nợ lãi quá hạn là 29.150.531 đồng.

Tổng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn theo 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 12/01/2022 là: **1.240.269.658** đồng, trong đó: Nợ gốc là 938.416.670 đồng, nợ lãi trong hạn là 236.242.833 đồng, nợ lãi quá hạn là 65.610.155 đồng.

2.2. Về tài sản T2 chấp:

Các đương sự đều xác nhận: Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là Quyền sử dụng thửa đất số 14; tờ bản đồ số 11; diện tích 396 m²; hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; mục đích sử dụng đất: Đất ở; thời hạn sử dụng đất: Lâu dài; tại địa chỉ Xã T, Huyện M, tỉnh Hà Tây (nay là T3 phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 049416, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H:30070 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Hà Tây (nay là T3 phố Hà Nội) cấp ngày 21/12/2007 cho Hộ ông Phùng Văn T2, ngày 07/05/2014 cập nhật thông tin trong Giấy chứng nhận QSD đất T3 ông Phùng Văn T2

2.3. Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất:

Ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán trả nợ nguyên đơn toàn bộ số dư nợ tạm tính đến ngày 12/01/2022 nêu trên.

Bị đơn tiếp tục phải chịu lãi trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần số 77/2019/HDTD/TTKD KMA/01 ngày 24/5/2019 và Hợp đồng cho vay số 77/2019/HDTD/TTKD KMA/02 ký ngày 28/05/2019 kể từ ngày 13/01/2022 cho đến khi trả hết nợ (Tất toán khoản vay).

2.4. Về xử lý tài sản T2 chấp trong trường hợp không trả nợ theo thỏa thuận:

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng thống nhất:

Sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực, nếu bị đơn vi phạm thời hạn và phương thức thanh toán nêu trên (Trả không đủ số tiền, không đúng thời hạn) thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn. Tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng thửa đất số 14; tờ bản đồ số 11; diện tích 396 m²; hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; mục đích sử dụng đất: Đất ở; thời hạn sử dụng đất: Lâu dài; tại địa chỉ Xã T, Huyện M, tỉnh Hà Tây (nay là T3 phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 049416, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H:30070 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Hà Tây (nay là T3 phố Hà Nội) cấp ngày 21/12/2007 cho Hộ ông Phùng Văn T2, ngày 07/05/2014 cập nhật thông tin trong Giấy chứng nhận QSD đất T3 ông Phùng Văn T2 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất, theo Hợp đồng T2 chấp tài sản số 77/2019/HDBD/TTKD KMA/01 ký ngày 24/05/2019 giữa ông Phùng Văn T2 và bà Nguyễn Thị M với Ngân hàng TMCP T, số công chứng 747/2019/HĐTC, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng P– T3 phố Hà Nội.

2.5. Trường hợp số tiền thu được sau khi phát mại tài sản T2 chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ nguyên đơn cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản T2 chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch được giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

2.6. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phùng Văn T2 và bà Nguyễn Thị M tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: **24.604.000** đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, sáu trăm linh bốn nghìn đồng*).

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần T (số tiền: 21.438.000 đồng

(Bằng chữ: Hai mươi một triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0038561 ngày 12/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, T3 phố Hà Nội.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hương